TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;

2. Bà Lê Thị Tý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tĩnh – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C.T, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, ấp Thuận Tân, xã T, huyện D, tỉnh T

Địa chỉ tạm trú: 26/3/1A đường Cây Cám, phường B, quận X, Thành phố Z (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan H.T, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, ấp Thuận Tân, xã T, huyện D, tỉnh T

Địa chỉ tạm trú: 117/2/4 Hồ Văn Long, khu phố 3, phường T, quận X, Thành phố Z (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.T trình bày: Bà và ông Phan H.T kết hôn vào năm 2018, đôi bên có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 101 do UBND xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/9/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình và vợ con. Bà đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi nên tháng 09/2022 bà đã dọn về nhà mẹ ruột ở, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, bà xác định mâu thuẫn giữa đôi bên đã rất trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phan H.T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Phan Thị T.M, sinh ngày 19/11/2015, con chung hiện đang sống chung với bà, do bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan H.T có lời trình bày tại bản tự khai ngày 20/4/2023 như sau: Tôi kết hôn bà Nguyễn Thị C.T năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chúng tôi có một con chung tên Phan Thị T.M, sinh ngày 19/11/2015. Nay bà T yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ tôi. Tài sản chung không có, nợ chung không có.

Tại buổi làm việc ngày 20/4/2023, ông T sau khi nộp bản tự khai cho tòa án thì tự ý bỏ ra về không tiếp tục buổi làm việc. Sau đó, ông T tiếp tục vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải ở các lần Tòa án triệu tập tiếp theo nên vụ án không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của

pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử không đảm bảo theo quy định tại điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.T có đơn xin ly hôn với ông Phan H.T. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại quận X, Thành phố Z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn ông T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét qua yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.T đối với ông Phan H.T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình và vợ con. Bà T đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi nên tháng 09/2022 bà T đã dọn về nhà mẹ ruột ở, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, bà T xác định mâu thuẫn giữa đôi bên đã rất trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T kiên quyết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã mở phiên hòa giải cũng như cho thời gian để tạo cơ hội cho bà T và ông T hàn gắn tình cảm nhưng ông T đến tòa nộp bản tự khai trình bày ý kiến là không đồng ý ly hôn với bà T rồi tự ý bỏ ra về, ông T tiếp tục vắng mặt không đến tòa ở các lần triệu tập sau, không tham gia phiên

hòa giải và phiên tòa. Điều này cho thấy ông T không có ý định hàn gắn và không thể hiện thiện chí hòa giải với bà T. Việc ông T vắng mặt không đến tòa đã thể hiện ý chí bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà T. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông T vì thời gian đôi bên sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà T, nhận thấy con chung của bà T và ông T là trẻ Phan Thị T.M, sinh ngày 19/11/2015 trên thực tế đang sống chung với bà T, được bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà T có yêu cầu được nuôi con chung, ông T không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó ông T đã từ bỏ quyền phản đối của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông T, nghĩ nên giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C.T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.T đối với ông Phan H.T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C.T được ly hôn với ông Phan H.T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101 do UBND xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/9/2018 cho bà Nguyễn Thị C.T và ông Phan H.T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là trẻ Phan Thị T.M, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Thị C.T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan H.T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà T và ông T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C.T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0010537 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- CC THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- CC THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Kim Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH.

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
TÒA

- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q.Bình Tân;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH. **Lưu Kim Ngân**